TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN** **-----***-----**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 09/2018/HSST
Ngày: 04/05/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

-----*&*-----

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Minh Hường.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Đinh Đăng Hùng.

2.Ông Dương Văn Tập.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 27/2017/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 24/01/2018. Đối với bị cáo:

Tô Văn D, sinh ngày 29/12/1982 tại Bắc Kạn.

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 08/12; Dân tộc: Tày;

Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Tô Văn V và bà Hoàng Thị B.

Có vợ là Nguyễn Thị B và có 01 con sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị bắt giam, giữ từ ngày: 12/5/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:*** Hà Đức T, sinh năm 1944.

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Có mặt tại phiên tòa.

**** Người làm chứng:***

- Bà Hà Thị H, sinh năm 1951.

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Có mặt tại phiên tòa.

- Ông Tô Xuân H, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Hà Thị C, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 24/3/2017, Tô Văn D đang ngồi trong nhà tại thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, thì nhìn thấy ông Hà Đức T điều khiển xe mô tô BKS 97F2-1262, chở theo vợ là bà Hà Thị H trú cùng thôn đi từ đường liên thôn N lên đường dân sinh qua trước cửa nhà D để về nhà. Do ghét ông T từ trước, nên D đi xuống bếp cầm một con dao tông bằng kim loại màu đen dài 49cm, có một lưỡi sắc, cán cầm bằng sắt và gỗ, phần lưỡi dao dài 27cm, chỗ rộng nhất 5,7cm, chỗ hẹp nhất 4,5cm, cán dao dài 22cm, chạy đến và chém về phía ông T, lúc này bà Hà Thị H đã nhảy ra khỏi xe mô tô, chạy ra hướng đường liên thôn N. Ông T bị chém một nhát vào vùng gáy trái, do bị choáng nên cả người và xe mô tô đổ xuống ta tuy âm bên trái đường, ông T bị xe đè lên chân trái chưa dậy ngay được. D tiếp tục xuống ta luy âm, vung dao chém nhiều nhát về phía ông T, lúc này ông T rút chân ra khỏi xe đang trong tư thế nằm ngửa giơ tay và chân lên đỡ thì bị D chém vào cẳng tay phải, cẳng chân trái, mỏm vai trái và vùng chẩm trái, cùng lúc có vợ chồng Tô Xuân H và Hà Thị C trú cùng thôn đi qua thấy, nên đã hô hoán mọi người đến cứu giúp. Thấy vậy, D bỏ chạy về nhà khóa cửa rồi cầm theo con dao dùng chém ông T bỏ trốn lên khu vực đồi sau nhà. Ông T được Tô

Xuân H và Hoàng Văn Ph trú cùng thôn đưa đi cấp cứu tại Trạm y tế xã L, sau đó chuyển đến điều trị tại Trung tâm y tế huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 02/4/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B phối hợp với chính quyền xã T kiểm tra, phát hiện D đang lẩn trốn tại khu đồi Đ thuộc thôn C, xã T, tạm giữ 01 con dao tông bằng kim loại màu đen dài 49cm, có lưỡi sắc, cán cầm bằng sắt và gỗ, phần lưỡi dao dài 27cm, chỗ rộng nhất 5,7cm, chỗ hẹp nhất 4,5cm, cán dao dài 22cm; 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 095154586; 01 giấy phép lái xe môtô số AR 111446; 02 bật lửa ga bằng nhựa (còn ga); 01 đèn pin màu đen đỏ đều không rõ nhãn hiệu. Tổ công tác đã đưa D về Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B để làm việc.

Quá trình điều tra, Tô Văn D không khai báo, có biểu hiện bất thường về tâm lý. Ngày 04/4/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y Tâm thần đối với Tô Văn D. Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 23/2017/PYTT ngày 05/5/2017 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía bắc kết luận:

" 1.Tô Văn D, sinh năm 1982 ở thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn không bị bệnh tâm thần.

2. Tại thời điểm thực hiện hành vi cố ý gây thương tích (ngày 24/3/2017) Tô Văn D không bị bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

3. Hiện tại Tô Văn D đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi."

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 33/GĐ-PY ngày 28/3/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Kạn kết luận: Tỷ lệ thương tật toàn bộ của Hà Đức T là 33% *(Ba mươi ba phần trăm)*, xếp hạng thương tật tạm thời (theo phương pháp cộng lùi); vật gây thương tích là vật sắc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-ĐGTS ngày 01/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận:

- 02 (hai) gương chiếu hậu xe máy JIALING = 36.000đ x 2 = 72.000^{đ};

- 01 (một) áo sơ mi dài tay (không có nhãn hiệu) đã cũ = 25.000^{đ};

- 01 (một) mũ cọ rộng vành = 20.000^{đ};

- 01 (một) đôi ủng cao su rằn ri = 52.000^{đ};

Tổng về giá của tài sản: 169.000^{đ} *(Một trăm sáu mươi chín nghìn đồng).*

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Tô Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Người bị hại khẳng định toàn bộ nội dung sự việc đúng như bị cáo trình bày. Hậu quả xảy ra đã làm cho ông Hà Đức T bị tổn hại sức khỏe. Ngày 12/10/2017 bị cáo Tô Văn D và ông Hà Đức T đã thỏa thuận bồi thường về phần dân sự. Ông T đề nghị D bồi thường số tiền 49.295.000đ *(Bốn mươi chín triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*, D đồng ý bồi thường số tiền 49.295.000đ *(Bốn mươi chín triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*, hai bên không đề nghị các Cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết phần trách nhiệm dân sự trong vụ án này.

Tại bản cáo trạng số 27/KSĐT-TA ngày 29/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Tô Văn D về tội "*Cố ý gây thương tích"* theo quy định tại Khoản 3 Điều 104/BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, khẳng định việc truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng Khoản 3 Điều 104; Điểm p Khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hiệu lực thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều; Điểm c Khoản 3 Điều 134; Khoản 3 Điều 7/ BLHS 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Tô Văn D từ 5 đến 6 năm tù; ghi nhận sự thỏa thuận, đồng thời đề nghị giải quyết vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại nhất trí với bản cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Bị cáo, bị hại không tranh luận. Bị cáo thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Những người làm chứng Tô Xuân H, Hà Thị C vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều đề nghị xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt của những người này không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293/BLTTHS 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2]Tại phiên tòa bị cáo Tô Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có căn cứ xác định:

Khoảng 10 giờ ngày 24/3/2017 tại thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, Tô Văn D đã có hành vi dùng dao tông bằng kim loại màu đen dài 49cm, có một lưỡi sắc, cán cầm bằng sắt và gỗ, phần lưỡi dao dài 27cm, chỗ rộng nhất 5,7cm, chỗ hẹp nhất 4,5cm, cán dao dài 22cm, chém ông Hà Đức T gây thương tích nhiều chỗ trên cơ thể, với tỷ lệ thương tật là 33%, xếp hạng thương tật tạm thời.

Hành vi của bị cáo Tô Văn D là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo là người nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Quá trình điều tra, Tô Văn D không khai báo, có biểu hiện bất thường về tâm lý. Ngày 04/4/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huy ện B đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần đối với Tô Văn D. Sau khi có kết luận giám định pháp y tâm thần xác định bị cáo Tô Văn D không bị tâm thần thì Tô Văn D mới phối hợp với cơ quan điều tra để làm rõ hành vi phạm tội của mình. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ hành vi của bị cáo dùng dao chém ông Hà Đức T với mục đích làm ông T bị thương tích chứ không có ý định tước đoạt mạng sống của ông T, vì khi bị cáo chém ông T mặc dù có người can ngăn nhưng chỉ là lời nói chứ không có hành vi ngăn cản quyết liệt nhưng bị cáo đã dừng không tiếp tục chém ông T nữa mặc dù bị cáo có đủ thời gian và điều kiện để tước đoạt mạng sống của ông Tần. Chỉ vì bản thân bị cáo ghét ông T mà bị cáo đã dùng dao chém ông T bị thương tích với tỷ lệ thương tật tạm thời là 33%.

Vậy Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Tô Văn D đã phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại Khoản 3 Điều 104/BLHS 1999 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều luật có nội dung.

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

a) Dùng hung khí nguy hiểm;

i) Có tính chất côn đồ...

3. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 61% trở lên hoặc dẫn đến chết người hoặc từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm".

Tuy nhiên tại Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng... hung khí nguy hiểm;

i) Có tính chất côn đồ;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp qui định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này".

Như vậy, tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt nhẹ hơn so với quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Vận dụng các quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hiệu lực thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ

sung một số điều, cần xem xét áp dụng điều luật có lợi cho bị can, bị cáo trong quá trình giải quyết vụ án.

Xét tính chất hành vi bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải chịu một hình phạt nhất định nhằm giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Tô Văn D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999.

[4] Về vật chứng: Áp dụng Điều 41/BLHS năm 1999; Điều 106/BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy một số vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm:

+ 01 (một) con dao tông bằng kim loại màu đen dài 49cm, có một lưỡi sắc, có cán cầm bằng sắt và gỗ, phần lưỡi dao dài 27cm, chỗ rộng nhất 5,7cm, chỗ hẹp nhất 4,5cm, cán dao dài 22cm là con dao Tô Văn D dùng để chém ông Hà Đức T. 02 (hai) bật lửa ga bằng nhựa (còn ga), không rõ nhãn hiệu.

+ 01 (một) chiếc mũ cọ có dính máu của ông Hà Đức T đội khi bị Tô Văn D chém.

+ 01 (một) đôi ủng cao su, hoa văn rằn ri. Chân ủng bên trái có vết rách, đều là của ông Hà Đức T sử dụng khi bị Tô Văn D dùng dao chém.

+ 02 (hai) chân giày vải màu đen thu giữ trong quá trình khám nghiệm hiện trường, hiện Cơ quan điều tra không xác định được chủ sở hữu của hai chân giày trên.

- Trả lại cho Tô Văn D các tài sản không liên quan đến vụ án gồm: 01 (một) chứng minh nhân dân số 095154586; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô số AR 111446 đều mang tên Tô Văn D ; 01 (một) đèn pin màu đen đỏ, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) con dao bằng kim loại màu xám đen, có một lưỡi sắc, bản rộng 6cm, có chuôi bằng sắt tra cán gỗ, có chiều dài 40,5cm, có rỉ sét bám dính màu vàng, nâu đỏ; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen, có một lưỡi sắc, bản rộng 3,3cm, có chuôi bằng kim loại, tra cán gỗ, con dao có chiều dài 44,5cm.

- Đối với chiếc áo sơ mi của ông Hà Đức T mặc khi bị Tô Văn D dùng dao chém, do quá trình ông T đi cấp cứu và điều trị đã bị thất lạc nên Cơ quan điều tra không tạm giữ được.

[5]Về trách nhiệm dân sự: Ngày 12/10/2017 Tô Văn D và ông Hà Đức T đã thỏa thuận bồi thường về phần dân sự . Ông T đề nghị D bồi thường gồm các khoản tiền: công phục vụ, tiền ăn của người bị hại và người chăm sóc; tiền mua thêm thuốc ngoài; tiền chụp X quang; tiền xe đi lại; tiền tổn thất tinh thần; tiền tài sản bị hư hỏng với tổng số tiền là 49.295.000đ *(Bốn mươi chín triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*. Dư nhất trí bồi thường t ổng số tiền là 49.295.000đ *(Bốn mươi chín triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* cho ông Hà Đức T, xét thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, tại phiên tòa bị cáo và bị hại không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo và bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Tô Văn D.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Tô Văn D phạm tội *"Cố ý gây thương tích".*

- Áp dụng Khoản 3 Điều 104; Điểm p Khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999; Điểm c Khoản 3 Điều 134; Khoản 3 Điều 7/BLHS 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hiệu lực thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung một số điều. Xử phạt bị cáo Tô Văn D 5 (*Năm)* năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2017.

* *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 41/BLHS năm 1999; Điều 106/BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy một số vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 01 (một) con dao tông bằng kim loại màu đen dài 49cm, có một lưỡi sắc, có cán cầm bằng sắt và gỗ, phần lưỡi dao dài 27cm, chỗ rộng nhất 5,7cm, chỗ hẹp nhất 4,5cm, cán dao dài 22cm; 02 (hai) bật lửa ga bằng nhựa (còn ga), không rõ nhãn

hiệu; 01 (một) chiếc mũ cọ; 01 (một) đôi ủng cao su, hoa văn rằn ri, chân ủng bên trái có vết rách; 02 (hai) chân giày vải màu đen.

- Trả lại cho Tô Văn D các tài sản không liên quan đến vụ án gồm: 01 (một) chứng minh nhân dân số 095154586; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô số AR 111446 đều mang tên Tô Văn D ; 01 (một) đèn pin màu đen đỏ, không rõ nhãn hiệu; 01 (một) con dao bằng kim loại màu xám đen, có một lưỡi sắc, bản rộng 6cm, có chuôi bằng sắt tra cán gỗ, có chiều dài 40,5cm, có rỉ sét bám dính màu vàng, nâu đỏ; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen, có một lưỡi sắc, bản rộng 3,3cm, có chuôi bằng kim loại, tra cán gỗ, con dao có chiều dài 44,5cm.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bạch Thông).

**Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^{đ} (*Hai trăm nghìn đồng*) cho bị cáo Tô Văn D.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo (qua trại);
- Bị hại;
- THAHS;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đàm Thị Minh Hường

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đàm Thị Minh Hường